

Nguồn gốc và đặc trưng của nghi thức *Người mù tụng kinh* ở Hàn Quốc

Origin and characters of *Blind man chanting* ritual in Korea

Phạm Thị Anh Thư^{a,b}, La Duy Tân^c, Trần Thị Nam Trân^{a,b}, Lê Thị Ngọc Cẩm^{a,b,*}
Phạm Thị Anh Thư^{a,b}, La Duy Tân^c, Trần Thị Nam Trân^{a,b}, Lê Thị Ngọc Cẩm^{a,b,*}

^aViện Ngôn Ngữ, Đại học Duy Tân, Việt Nam

^bKhoa Tiếng Hàn, Đại học Duy Tân, Việt Nam

^cKhoa Hàn Quốc học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp.HCM

^dInstitute of Languages, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam

^eFaculty of Korean Language, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam

^fFaculty of Korean Studies, Hochiminh University of Social Sciences & Humanities

(Ngày nhận bài: 04/6/2020, ngày phản biện xong: 29/6/2020, ngày chấp nhận đăng: 27/8/2020)

Tóm tắt

Nghi thức *Người mù tụng kinh* là một trong những hình thức tôn giáo tiêu biểu của Hàn Quốc. Trong bài viết này, chúng tôi tra cứu, phân tích sử liệu và kết luận rằng nghi thức này bắt nguồn từ thời Cao Ly (Goryeo). Đến thời Triều Tiên (Joseon) những người mù này được giữ các chức quan coi khí tượng trong triều đình, họ có nhiệm vụ cầu mưa cho đất nước khi hạn hán, ngoài ra họ còn coi bói, tụng kinh cầu an... Đồng thời, với phương pháp điền dã dân tộc học, chúng tôi tiếp cận với những người khiếm thị tụng kinh thì nhận thấy tín ngưỡng dân gian này có mối liên hệ sâu sắc với Đạo giáo thông qua nội dung kinh, đối tượng thờ cúng và trang phục của họ.

Từ khóa: Người mù tụng kinh; Đạo giáo; tín ngưỡng dân gian; Hàn Quốc.

Abstract

Blind man chanting is a typical religious ritual in Korean folk beliefs. We found that the oldest biblical records of this folk belief were in the Goryeo Dynasty, the year of King Suk Chong (1102). In this record, the concept of 盲僧 [Manh Tãng - meaning a blind monk] appeared, which was originally a combination of the word 盲 [Manh-blind] in 盲人 [Manh Nhan - Blind man] and the word 僧 [Tãng - monks] in 僧侶 [Tãng lữ - Monks]. In addition, with the method of ethnographic fieldwork, we realize that this folk belief had a deep connection with Taoism. This article is a review of this belief for the purpose of opening up new research directions around this belief to conserve the ritual of the *Blind man chanting* in modern society in Korea today.

Keywords: Blind man chanting; Taoism; folk belief; Korea.

1. Giới thiệu

Nghi thức *Người mù tụng kinh* là một trong những hình thức tôn giáo tiêu biểu của Hàn Quốc. Nghi thức này bắt nguồn từ rất lâu đời,

thời Cao Ly - Thế kỷ 13 ở Triều Tiên và vẫn còn duy trì cho đến ngày nay. Nghi thức *Người mù tụng kinh* được xếp vào nhóm tín ngưỡng Vu tục của Hàn Quốc. Tuy nhiên, so với những

* *Corresponding Author:* Le Thi Ngoc Cam; Institute of Languages, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam; Faculty of Korean Language, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam;
Email: letngoccam@dtu.edu.vn

hình thức tín ngưỡng khác trong Vu tục thì *Người mù tụng kinh* chưa được đi sâu nghiên cứu. Cho đến hiện nay, có một vài luận văn nghiên cứu về tín ngưỡng này [2,3,6,7,8] nhưng đa số là những bài báo cáo thực địa về hoạt động của nghi thức này tại các địa phương. Do đó, trong bài viết này, chúng tôi tra cứu, phân tích sử liệu để tìm ra nguồn gốc xuất xứ của nghi thức *Người mù tụng kinh*. Đồng thời, với phương pháp điền dã dân tộc học, chúng tôi tiếp cận với những người khiếm thị tụng kinh trên các địa phương và những người khiếm thị là thính giả tham dự các buổi tụng kinh để hiểu được đặc trưng và ý nghĩa của nghi thức này. Bài viết này chỉ là một bước khởi đầu nhằm mở ra những hướng nghiên cứu sâu hơn xung quanh vấn đề này trong tương lai.

2. Nguồn gốc xuất xứ của nghi thức *Người mù tụng kinh*

Những thư tịch cổ nhất ghi chép tín ngưỡng dân gian này là vào thời Cao Ly, năm vua Túc Tông (Suk Chong -1102) [1]. Trong ghi chép này người ta thấy xuất hiện khái niệm 盲僧 [*Manh tăng* - có nghĩa là người sư bị mù], từ này vốn ghép từ chữ 盲 [*Manh*- mù] trong 盲人 [*Manh nhân* - Người mù] và chữ 僧 [*Tăng* - ông sư] trong 僧侶 [*Tăng lữ*]. Như vậy theo nghĩa của chữ 盲僧 [*Manh tăng*] thì có thể suy ra đây là một khái niệm để chỉ những tăng sư bị khiếm thị. Hay có thể nói rằng những người khiếm thị này có những đặc điểm giống như một tăng sư, đó là đầu cạo trọc và tụng kinh.

Đến thời Triều Tiên cũng có nhiều ghi chép về các “Sư mù” này. Theo sách *Dung trai tụng thoại* [慵齋叢話] ghi chép lại thì những người khiếm thị này cũng cạo tóc như những tăng sư, từ thời Cao Ly cho đến đầu kỳ Triều Tiên, những người khiếm thị tụng kinh này cạo tóc nên gọi là “Sư mù” [2]. Ngoài ra, trong *Triều Tiên thực lục* cũng đã đề cập đến hoạt động bói toán của những “Sư mù” này [4]. Theo những tài liệu còn lưu lại thì “Sư mù” này

chuyên về xem bói, tụng kinh để giảm bớt nỗi đau tinh thần và thể xác cho con người [3].

Ngày nay, có hai dạng nghi thức tụng kinh, đó là nghi thức tụng kinh của các pháp sư trong chùa Phật giáo và nghi thức tụng kinh của những người khiếm thị, gọi là *Người mù tụng kinh*. Những *Người mù tụng kinh* ngày nay cũng có khả năng xem bói nhưng không cạo tóc như *Sư mù* ngày xưa.

Như vậy có thể thấy mối liên hệ giữa *Sư mù* ngày xưa với *Người mù tụng kinh* ngày nay, chính là, *Người mù tụng kinh* ngày nay có nguồn gốc từ *Sư mù* ngày xưa, bởi vì những người khiếm thị tụng kinh ngày nay tuy không cạo tóc nhưng họ cũng tụng kinh và xem bói như những *Sư mù* ngày xưa.

3. Nghi thức *Người mù tụng kinh* trong xã hội cổ truyền và hiện đại Hàn Quốc

3.1. Nghi thức *Người mù tụng kinh* trong xã hội cổ truyền Hàn Quốc

Vào thế kỷ 19, tụng kinh là một sinh kế của người khiếm thị [6]. Vào những ngày đầu năm, họ tụng kinh để cầu phúc. Khi làm nhà hoặc sửa nhà thì gia chủ mời họ về để tụng kinh cầu an. Những nhà quý tộc giàu có còn hay mời họ về tụng kinh để cầu phúc cho tư gia. Ngoài ra, vào thời điểm này, những người dân thường khi bị bệnh là tìm ngay đến những người mù tụng kinh hoặc là các thầy đồng. Những người mù tụng kinh này sẽ bói để tìm ra nguyên nhân bệnh và tụng kinh để chữa bệnh, người dân sẽ trả công bằng tiền hoặc vài vốc hay lương thực [3].

Vào thời vua Thái Tông (Taejong) năm thứ 17, nhà vua đã cho xây dựng Minh Thông Tự hỗ trợ cho những người khiếm thị. Bởi vì những người khiếm thị giữ một vai trò vô cùng quan trọng cho đất nước đó là cầu mưa mỗi khi hạn hán. Vào thời Thành Tông (Seongjong) ngày 26 tháng 6 năm 1474 nhà vua hạ lệnh cho tập hợp những người khiếm thị tại Minh Thông Tự để cầu mưa [4]. Vào thời Trung Tông (Jungjong) năm thứ 35, ngày 14 tháng 5 năm

1540, trời quá hạn hán nên nhà vua ra lệnh cho các thầy đồng và manh nhân cầu mưa [4]. Vào thời điểm này, ngoài việc tụng kinh, những người khiếm thị còn xem bói và giữ những chức quan trong triều đình. Vào thời Quang Hải Thần, nhà vua rất thích xem bói nên hay cho gọi những người mù vào xem bói cho nhà vua suốt đêm [4]. Trong xã hội cổ truyền Hàn Quốc, những người khiếm thị được cho là có những khả năng đặc biệt so với người thường. Họ có thể biết được những điều mà một người bình thường không thể biết. Tuy đôi mắt không thể nhìn thấy nhưng họ có thể biết trước được thời gian xảy ra hiện tượng nhật thực, nguyệt thực và những hiện tượng tự nhiên khác. Do đó, vào thời kỳ Triều Tiên, những vị quan coi về khí tượng trong triều đình rất nhiều vị là người khiếm thị [3].

Khả năng xem bói của người khiếm thị không chỉ được ghi chép lại vào thời Triều Tiên mà đã có từ rất lâu đời và còn tồn tại cho đến ngày nay. Tài liệu đầu tiên ghi chép về hoạt động bói toán của người khiếm thị là tài liệu thời Cao Ly, vua Nguyên Tông, và tài liệu năm 1391 để lại đã cho biết vào cuối thời Cao Ly, những người khiếm thị đã coi việc xem bói như là nghề nghiệp của họ [2].

3.2. Nghi thức “Người mù tụng kinh” trong xã hội hiện đại Hàn Quốc

Trong khi nền khoa học văn minh phát triển ngày càng mạnh mẽ thì những hoạt động như

bói toán, xem quẻ và tụng kinh của người khiếm thị sẽ dần dần không còn thịnh hành trong xã hội như ngày xưa, vai trò của người khiếm thị đối với hiện tượng tự nhiên cũng không còn nữa. Tuy vậy, ngày nay, người ta vẫn duy trì nghi thức tụng kinh của người khiếm thị ở một số nơi tại Hàn Quốc như là Trung Thanh Đạo (Chungcheong-do), Giang Nguyên Đạo (Gangwon-do), đặc biệt là hội người mù tại Hàn Quốc hàng năm cứ đến ngày 28 tháng 12 Dương lịch tập trung lại để nâng cao những kiến thức về tụng kinh.

Đến tham dự một buổi tụng kinh của người khiếm thị thì chúng ta mới thấy hết được ý nghĩa mang tính nhân đạo sâu sắc của một tín ngưỡng dân gian đã được hình thành từ lâu đời này.

Những Người mù tụng kinh ngày nay không cạo tóc như ngày xưa nên không còn gọi với cái tên *Manh tǎng* nữa mà gọi là *Manh nhân độc kinh* [盲人讀經 - người mù tụng kinh]. Tuy nhiên số lượng người khiếm thị tụng kinh theo hình thức ngày xưa còn lại không nhiều và có chiều hướng dần dần biến mất. Trong một buổi tụng kinh có khoảng từ 3 đến 7 người. Trong đó, có một người giữ vai trò chính gọi là *Đường chủ* [堂主 - người chủ lễ], một người đánh trống và những người còn lại cùng đọc kinh.



Hình 1. Hình ảnh một buổi tụng kinh cầu quốc thái dân an của những người mù ngày nay tại Seoul. Người đứng ngoài cùng bên trái là Đường chủ, trên tay cầm quả chuông rung theo nhịp kinh. Người ở giữa đánh trống và người thứ ba cùng đọc kinh. (Ảnh: Tác giả)



Hình 2. Một buổi tụng kinh diễn ra tại Bảo tàng Dân tộc Quốc gia Hàn Quốc. Thịnh giả trong buổi tụng kinh này hầu như là người khiếm thị. (Ảnh: Tác giả)

Những người tham dự trong buổi tụng kinh đa số là những người khiếm thị. Trong xã hội truyền thống, khi có người bị bệnh thì đầu tiên người ta sẽ tìm đến các thầy đồng hoặc các sư mù để nhờ chữa trị. Nhưng với sự phát triển của khoa học ngày nay, những kiểu chữa bệnh như thế được coi là mê tín dị đoan và người dân không còn tin vào cách chữa bệnh đó nữa, nhưng họ vẫn tập trung rất nhiều để nghe tụng kinh. Đây chính là điều cốt lõi cho thấy ý nghĩa

của việc bảo tồn duy trì nghi thức tín ngưỡng dân gian này. Nghi thức tụng kinh ngày nay không còn mang nhiều ý nghĩa như trong xã hội ngày xưa nhưng rõ ràng bản thân nó đã chứa đựng một ý nghĩa nhân đạo, nhân văn sâu sắc. Ý nghĩa đó chính là mang lại niềm tin, niềm an ủi, niềm vui trong cuộc sống cho những người không may mắn khuyết tật về thị giác trong xã hội Hàn Quốc. Qua những hoạt động tụng kinh, người khiếm thị có được một tập thể những

người cùng cảnh ngộ, họ có thể cùng nhau chia sẻ những điều gặp phải trong cuộc sống.

4. Đặc trưng của nghi thức *Người mù tụng kinh*

Nghi thức *Người mù tụng kinh* không có hình thức nhập thần hay xuất thần của Shaman giáo mà dùng lời kinh để dâng lên thần thánh những điều cầu nguyện, mong muốn của con người. Lời kinh chính là công cụ duy nhất để liên lạc với thần linh.

Kinh quan trọng nhất trong nghi thức *Người mù tụng kinh* là *Ngọc Xu kinh* (玉樞經), một loại kinh của Đạo giáo. Qua đây, chúng ta thấy được mối liên hệ giữa nghi thức *Người mù tụng kinh* này với Đạo giáo. Những hoạt động của các “*Sư mù*” nói trên trong xã hội ngày xưa cũng có mối liên hệ chặt chẽ với những hoạt động của các đạo sĩ.

Nghi thức tụng kinh của người khiếm thị khác những tín ngưỡng khác ở chỗ khi tiến hành nghi thức tụng kinh, người ta không để nhiều tranh thờ, thường chỉ là những tấm vải hoặc giấy, gọi là *Mục vị* (位目), trên những

mục vị đó có ghi tên những vị thần của Đạo giáo như là *Thái Thượng Đế Nhất Ngự Mệnh Thiên Tôn* (太上第一御命天尊), *Tam Thiên Tham Kinh Đạo Đức Thiên Tôn* (三千參經道德天尊)... Nhìn vào ảnh bên trên ta cũng thấy có hình ảnh một đầu heo trên bàn cúng.

Như vậy nghi thức *Người mù tụng kinh* có những ảnh hưởng của Đạo giáo nhiều hơn so với Phật giáo. Thậm chí những người khiếm thị này khi tụng kinh đều mặc trang phục màu xanh của Đạo giáo. Trong kinh của nghi thức *Người mù tụng kinh*, ta còn thấy có hình ảnh những tráng sĩ thần thông xuống bắt ma quỷ, giống như hình ảnh phép thuật trong Đạo giáo phù thủy. Hiện nay, tại quận Trinh Lăng (Jeong-reung) Seoul có một *Kinh đường* (nơi tụng kinh) gọi là *Puk-ak tang*. Ở giữa chính đường là tranh thờ Ngọc Hoàng thượng đế và các vị Thiên tôn, trong đó có *Nguyên thủy thiên tôn* (元始天尊), *Phổ hóa Thiên tôn* (普化天尊) và hai bên tả hữu, mỗi bên có tranh thờ của 24 vị thần thánh, tổng cộng 48 vị thánh.



Hình 3. Bàn thờ chính ở Puk-ak đường, ở giữa là tranh Ngọc Hoàng Thượng Đế và các vị Thiên tôn, hai bên mỗi bên 24 vị thần. Đây là những vị thần thánh có trong Đạo giáo. (Ảnh: Tác giả)



Hình 4. Bên trái là điện thờ Thần núi, Phật Di Lạc và 3 vị Phật (Ảnh: Tác giả)

5. Kết luận

Người mù tụng kinh trong xã hội Hàn Quốc ngày nay có nguồn gốc từ Sư mù trong thời Cao Ly và Triều Tiên. Những người mù này tụng kinh để giảm bớt nỗi đau tinh thần và thể xác cho con người. Trong thời kỳ Triều Tiên, tụng kinh là một kế sinh nhai của người khiếm thị. Gia chủ mời họ về để tụng kinh cầu an, tụng kinh để chữa bệnh, coi bói để chữa bệnh. Đặc biệt, những người mù này còn được giữ các chức quan coi khí tượng trong triều đình, họ có nhiệm vụ cầu mưa cho đất nước khi hạn hán. Ngày nay, số lượng người khiếm thị tụng kinh như vậy còn lại không nhiều, tuy nhiên có rất nhiều người khiếm thị với vai trò là thỉnh giả đến tham dự các buổi tụng kinh này. Trong một buổi tụng kinh hiện nay có khoảng từ 3 đến 7 người. Trong đó, có một người giữ vai trò chính gọi là *Đường chủ*, một người đánh trống và những người còn lại cùng đọc kinh.

Tại một đất nước phát triển như Hàn Quốc, những người khiếm thị được trang bị rất tốt để cá nhân họ có thể tự di chuyển và sinh hoạt như một người bình thường trong xã hội. Tuy nhiên, những hoạt động về tinh thần cho người khiếm

thị vẫn còn rất ít. Hình thức *Người mù tụng kinh* ở Hàn Quốc ngày nay là một sự thực hiện nhu cầu tín ngưỡng, thực hiện sự giải tỏa tâm lý. Ít nhất, nghi thức này cũng làm cho người khiếm thị thấy an ủi hơn trong cuộc sống, thấy cuộc sống vui hơn, có ý nghĩa hơn. Tín ngưỡng dân gian xuất hiện và tồn tại trong môi trường xã hội, do đó nó cũng biến đổi theo môi trường xã hội. Có những hình thức mới được nảy sinh hoặc những hình thức không phù hợp sẽ mất đi. Với tình trạng phát triển khoa học và tốc độ hiện đại hóa nhanh chóng của xã hội Hàn Quốc, hình thức *Người mù tụng kinh* nổi bật lên với tính nhân văn sâu sắc, đó chính là lý do mà tín ngưỡng truyền thống này vẫn còn duy tồn cho đến ngày nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] 『고려사』(제78권, 지 제32, 식화 1 전제 전시과조).
“Lịch sử Goryeo” (Quyển 78, Chương 32)
- [2] 김만태, 『한국 맹인의 점복자의 전개양상』, 『한국사에서의 소수자』, 한국민속학회, 2008, p.38.
Kim Man Tae, ‘Hình thức người khiếm thị xem bói của Hàn Quốc’, “Những nhóm người thiểu số trong lịch sử Hàn Quốc”, Hội Khoa học Văn hóa Lịch sử Hàn Quốc, 2008, p.38.

- [3] 손태도, 『서울 맹인 독경 연구 자료집』, 대한맹인역리학회, 2007.
Son Tae Do, “Tài liệu nghiên cứu Người mù tụng kinh Seoul”, Hội Khoa học người mù dịch lý Đại Hàn, 2007.
- [4] 『조선실록』 : 성종 5년 44권, 중조35년, 광해9년.
“Triều Tiên Thực Lục”: Songjong Năm thứ 5 Cuốn 44, Jungjong Năm thứ 35, Gwangheo Năm thứ 9.
- [5] 『조선실록』 : 태종 17년.
“Triều Tiên Thực Lục”: Taejong Năm thứ 17
- [6] 종장권, ‘조선 후기에 장애인의 삶’, 『19세기 조선인의 생활과 변화』, 한국학연구원, 2005, p.137.
- Jong Jang Gwon, ‘Cuộc sống của người khuyết tật trong thời hậu kỳ Triều Tiên’, “Cuộc sống và những thay đổi trong đời sống người Triều Tiên thế kỷ 19”, Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học, 2005, p.137.
- [7] 안상경, ‘충청북도 무경 연구’, 세명대 석사논문, 1998.
Ahn Sang Gyeong, ‘Nghiên cứu Vu kinh vùng Chungcheongbuk’, Luận văn thạc sĩ trường Semyeong, 1998.
- [8] 이기형, ‘복술가 윤석중의 삶과 무경의 성격’, “비교민속학”, 제29집, 비교민속학회, 2005.
Lee Gi Hyeong, ‘Đời sống và tính chất Vu kinh của nhà bói toán Yun Seok Jung’, “Dân tộc học so sánh”, Hội Khoa học Dân tộc học so sánh, 2005.